CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THUỘC LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Ngô Thị Thu Hương* - ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Hiện này, các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Chuỗi khối (Blockchain) và phần mềm kế toán đám mây (Cloud Accounting) đang dần thay thế các phương pháp kế toán truyền thống, đòi hỏi hệ thống kế toán phải được tổ chức lại một cách hiện đại, linh hoạt, minh bạch và phù hợp với môi trường số ngày càng phát triển. Trong bối cảnh chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu trong hoạt động của các doanh nghiệp trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, chuyển đổi số đang được xã hội quan tâm, trong đó, lĩnh vực kế toán, kiểm toán được xác định là một trong những lĩnh vực trọng tâm cần ưu tiên. Bài viết, nghiên cứu thực trạng chuyển đổi số trong kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực thương mại-dịch vụ Việt Nam, qua đó đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong kế toán đối với các doanh nghiệp thuộc loại hình này.

• Từ khóa: *chuyển đổi số trong kế toán; lĩnh vực thương mại dịch vụ; công nghệ mới.*

Currently, new technologies such as Artificial Intelligence (AI), Big Data, Blockchain, and cloud accounting software are gradually replacing traditional accounting methods, requiring accounting systems to be reorganized in a modern, flexible, transparent, and adaptable way to the increasingly developing digital environment. Digital transformation has become an inevitable trend in the operations of businesses worldwide. In Vietnam, digital transformation is receiving significant attention, with accounting and auditing identified as key priority areas. This article studies the current state of digital transformation in accounting at small and medium-sized enterprises (SMEs) in the Vietnamese trade and service sector, and proposes solutions to promote digital transformation in accounting for these businesses.

• Key words: *digital transformation in accounting; trade and service sector; new technologies.*

Ngày nhận bài: 21/01/2026
Ngày gửi phản biện: 19/02/2026
Ngày duyệt đăng: 10/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.27

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số (CĐS) đã trở thành một xu thế tất yếu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, chủ trương thúc đẩy chuyển đổi số được thể hiện rõ trong các văn bản quan trọng như Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó, lĩnh vực kế toán, kiểm toán được xác định là một trong những lĩnh vực trọng tâm cần ưu tiên chuyển đổi.

Kế toán, với vai trò cung cấp thông tin tài chính chính xác, trung thực, kịp thời và minh bạch, trong khi các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Chuỗi khối (Blockchain) và phần mềm kế toán đám mây (Cloud Accounting) đang dần thay thế các phương pháp kế toán truyền thống, đòi hỏi hệ thống kế toán phải được tổ chức lại một cách hiện đại, linh hoạt, minh bạch và phù hợp với môi trường số ngày càng phát triển hiện nay. Ở Việt Nam, tính đến hết năm 2025, có khoảng 1,1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó các DNNVV chiếm tỷ trọng lớn (97-98%) trong tổng số. Các DN này đóng góp khoảng từ 30%-33% tổng thu NSNN, tạo gần 6 triệu việc làm cho người lao động. Số DNNVV hoạt động trong lĩnh vực Thương mại-Dịch vụ (TMDV) chiếm khoảng 66%-68%, xấp xỉ 670 nghìn DN.

Nhu cầu hiện đại hóa và số hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phần lớn các DNNVV tại Việt Nam vẫn đang vận hành hệ thống kế toán theo phương pháp truyền thống, thiếu ứng dụng công nghệ hiện đại, đội ngũ kế toán viên còn hạn chế về năng lực công nghệ và kỹ năng số, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản trị tài chính và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Do vậy, việc thực hiện một nghiên cứu nhằm đánh giá thực tiễn và đề xuất giải pháp hoàn thiện CĐS trong hệ thống kế toán tại các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam là rất cần thiết và có ý nghĩa khoa học cũng như thực tiễn sâu sắc.

2. Thực trạng CĐS trong các DNNVV lĩnh vực thương mại dịch vụ

Thực trạng Chính sách và định hướng chuyển đổi số tại Việt Nam

Việt Nam coi CĐS là động lực phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số nhằm nâng cao NSLĐ, hiệu quả

** Học viện Ngân hàng*
*** Học viện Tài chính*

và đổi mới sáng tạo; Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, với mục tiêu đến 2030, kinh tế số chiếm 30%, thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu về Chính phủ điện tử.

Tính đến hết 2025, gần 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 80% DNNVV bước đầu áp dụng công nghệ số, trên 90 triệu thuê bao Internet, 70% dân số dùng điện thoại di động; triển khai định danh công dân trên toán quốc.

Tình hình triển khai chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ tại Việt Nam

Để nghiên cứu thực trạng CĐS trong các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam, nhóm tác giả khảo sát dựa trên các tiêu chí được đánh giá thông qua việc cho điểm theo thang điểm từ 0 đến 5, cụ thể là: điểm 0: chưa có gì; điểm 1-2: có ý tưởng hoặc có những thử nghiệm nhỏ; điểm 3: đang triển khai thực hiện; điểm 4: vận hành ổn định; điểm 5: hiệu quả rõ rệt. Các tiêu chí chủ yếu gồm 6 nhóm chính, phản ánh cả mức độ số hóa, năng lực vận hành và khả năng thích ứng công nghệ. Tổng điểm tối đa: 100 điểm.

• 0-30 điểm: mới bắt đầu, chưa có nền tảng CĐS;

• 31-60: đang trong quá trình CĐS, cần hoàn thiện nhiều mặt;

• 61-80: có nền tảng số khá tốt, cần tối ưu thêm;

• 81-100: CĐS hiệu quả.

Kết quả tổng số điểm là 57 điểm. Từ kết quả khảo sát, cho thấy thực trạng triển khai CĐS trong các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV hiện nay ở Việt Nam đang trong quá trình triển khai, còn cần thiết phải hoàn thiện nhiều mặt.

Mức độ nhận biết về ứng dụng phổ biến trong chuyển đổi số của hệ thống kế toán

Kết quả trên bảng cho thấy, trong 8 ứng dụng được sử dụng phổ biến trong chuyển đổi số thì có những ứng dụng mà tất cả các doanh nghiệp thuộc mẫu nghiên cứu đều không nhận biết được, đó là: tự động hóa bằng Robot (100%); nhiều ứng dụng mà các doanh nghiệp không biết rất cao như: ứng dụng Blockchain là 77,23%; ứng dụng ngôn ngữ báo cáo kinh doanh là 68,87%; trí tuệ nhân tạo là 62,11%; Internet vạn vật (IoT) là 52,72%; Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP) là 43,72%; điện toán đám mây là 53,63%. Điều này cho thấy hiện nay, có nhiều DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV chưa nhận thức đầy đủ về các ứng dụng của chuyển đổi số, vì thế gây khó khăn không nhỏ cho quá trình chuyển đổi số tại các DN thuộc loại hình này. Kết quả khảo sát cũng cho thấy mức độ triển khai có sự khác biệt đáng kể giữa các DNNVV thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Cụ thể là, lĩnh vực TMDV có mức độ CĐS cao nhất ở ngưỡng 2,69/3; sản xuất, xây lắp: 2,63; Nông lâm ngư nghiệp: 2,3i, các lĩnh vực khác là 1,92.

Tình hình triển khai các ứng dụng chuyển đổi số trong các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam

Về sử dụng phầm mềm kế toán, hóa đơn điện tử, phần mềm ERP.

Theo các báo cáo khảo sát và phân tích từ nguồn số liệu của Bộ Thông tin & Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), VCCI, USAID và một số tổ chức tư vấn độc lập cho thấy, hiện nay có khoảng 60%-70% DNNVV tại Việt Nam đã có những nhận thức nhất định về chuyển đổi số. Nhiều DN đã tiếp cận thương mại điện tử, fanpage, zalo OA, sàn Shopee, Tiki, Lazada để bán hàng và sử dụng các ứng dụng phổ biến trong CĐS, cụ thể cho thấy, có một số ứng dụng mà các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV, đặc biệt là thương mại bán lẻ đã sử dụng 100% như HĐĐT, kê khai thuế; ứng dụng phần mềm kế toán được sử dụng khá phổ biến (chiếm đến 92%); số hóa lưu trữ sổ kế toán và chứng từ kế toán có 46,5% DN thực hiện. Đây thường là những DN mà lãnh đạo có quyết tâm cao, DN có khả năng tốt về tài chính và trình độ công nghệ của nhân viên tốt, còn hầu hết các ứng dụng mới rất ít DN thực hiện, thậm trí có ứng dụng như: tự động hóa bằng Robot 100% DN không thực hiện; các ứng dụng ít sử dụng như: Blockchain chỉ có 2,38% DN thực hiện; tự động hóa kế toán và phân tích dữ liệu có 12% DN; điện toán đám mây có 11,3% DN, Internet vạn vật (IoT) có 12,7%; Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP) có 12,68%...(ERPVIET: Thực trạng sử dụng ERP tại Việt Nam và bức tranh thị trường ERP).

Các ứng dụng mà các DN đã sử dụng được đánh giá theo 4 mức: tốt, khá, trung bình và yếu. Kết quả trên bảng cho thấy: những ứng dụng mà Nhà nước đã có hướng dẫn cụ thể và mang tính bắt buộc thì được các DN thực hiện khá tốt như: kê khai điện tử, có đến 92,3% thực hiện khá trở lên; HĐĐT là 91,47% thực hiện khá trở lên; phần mềm kế toán thực hiện khá trở lên là 88,15%.

Đi sâu xem xét theo từng lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mẫu nghiên cứu cho thấy, mức độ sử dụng các ứng dụng CĐS của từng lĩnh vực này thể hiện nếu mức ứng dụng tối đa là 3,0 thì cả 4 lĩnh vực (thương mại-dịch vụ; sản xuất - xây lắp; nông, lâm, ngư nghiệp và lĩnh vực khác) đều có mức áp dụng ứng dụng HĐĐT và kê khai thuế điện tử như nhau (3,0), còn các ứng dụng khác có sự chênh lệch khá lớn. Trong đó, các ứng dụng của các DN thuộc lĩnh vực TMDV được áp dụng với mức cao nhất, chẳng hạn như ứng dụng phần mềm kế toán của lĩnh vực này là 2,95, của lĩnh vực sản xuất - xây lắp là 2,91, lĩnh vực khác là 2,89 và của lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là thấp nhất (2,85). Tương tự như vây, ứng dụng tự động hóa kế toán, phân tích dữ liệu của các lĩnh vực này lần lượt từ cao đến thấp là 1,98; 1,94, 1,9 và 1,88; ứng dụng điện toán đám may là 1,87;1,84, 1,80 và 1,74; ứng dụng Blockchian là 1,50; 1,48;1,46 và 1,43; ứng dụng AI là 1,76;1,72; 1,69 và 1,68; Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực là 1,48;1,45, 1,42 và 1,39; ứng dụng Big Data là 1,62; 1,58;1,56 và 1,54; ứng dụng IoT là 2,01;1,98. 1,95 và 1,87; ứng dụng ngôn ngữ BCKD là 1,25;1,05;1,03 và 1,02.

Về năng lực số của nhân viên kế toán

Theo các báo cáo thực tế, khảo sát của Bộ Tài chính, Cục Thuế, Hiệp hội kế toán-Kiểm toán Việt Nam cũng như một số công ty phần mềm kế toán cho thấy:

* Những điểm tích cực:

+ Phần lớn nhân viên kế toán trong các DNNVV nói chung và thuộc lĩnh vực TMDV nói riêng hiện đã có sự thành thạo các phần mềm kế toán như MISA, FAST, Bravo, Excel; trên 85 % nhân viên kế toán tại các DN biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm kế toán; trên 80% sử dụng phần mềm thuế điện tử như eTax, iHTKK, HĐĐT; thích nghi nhanh với những quy định của Nhà nước về số hóa: với các quy định của Nhà nước về thuế điện tử, HĐĐT, các nhân viên kế toán buộc phải thích nghi nhanh nếu không muốn bị sa thải nhằm đáp ứng yêu cầu về kê khai thuế điện tử, HĐĐT, nộp BCTC qua mạng, kê khai BHXH điện tử; các DN quan tâm hơn trong việc bồi dưỡng, đào tạo kiến thức cộng với nhân viên có sự nỗ lực học hỏi nâng cao cao trình độ và kỹ năng sử dụng các phần mềm công nghệ; một số người đã biết sử dụng công cụ phân tích dữ liệu như Powei BI, Google Data Studio. Một số ít DN (khoảng 3%-5%) đã có nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin, thực hiện các công việc quản lý máy chủ, hướng dẫn sử dụng công nghệ đối với các bộ phận trong DN. Đây là những DN mà lãnh đạo có sự quan tâm lớn đến CĐS, đồng thời có nguồn lực tài chính khá, có chiến lược rõ ràng về thực hiện CĐS.

* Những điểm hạn chế:

Bên cạnh những điểm tích cực về năng lực của nhân viên kế toán tại các DNNVV nói chung và thuộc lĩnh vực TMDV nói riêng trong thực hiện CĐS, thì năng lực số của đại bộ phận nhân viên kế toán trong các DN này còn rất hạn chế, thể hiện cụ thể trên một số điểm sau:

+ *Thiếu kiến thức về công nghệ số và tư duy số:* nhiều nhân viên kế toán vẫn mang tư duy ghi chép truyền thống; ít chịu học hỏi, cập nhật kiến thức mới về công nghệ; khó thích ứng với mô hình tích hợp chuyển đổi số toàn diện;

+ *Thiếu kỹ năng bảo mật thông tin số;* chưa có kỹ năng xử lý rủi ro khi làm việc trên nền tảng đám mây hoặc chia sẻ file qua Internet; chưa nhận thức được rủi ro về rò rỉ thông tin tài chính, nhất là khi làm việc từ xa;

+ *Chưa chủ động:* mặc dù đã sử dụng chữ ký số trong kê khai thuế, HĐĐT, giao dịch ngân hàng nhưng một số nhân viên còn bị động; lưu trữ số liệu kế toán trên Cloud chưa phổ biến. Nhiều DN, nhất là các DN siêu nhỏ vẫn sử dụng USB/Excel cục bộ; tích hợp phần mềm quản trị (kho hàng, bán hàng) rất hạn chế; hầu như chưa sử dụng công cụ số để phân tích dữ liệu, chỉ có khoảng 5% DN thực hiện;

Về mức độ số hóa dữ liệu và quy trình

Mức độ số hóa dữ liệu và quy trình CĐS của các DNNVV thuộc mẫu nghiên cứu thể hiện ở bảng dưới đây:

Mức độ số hóa dữ liệu và quy trình CĐS tại các DNNVV

Mức độ số hóa	Mô tả	Thực tế tại DNNVV lĩnh vực TMDV
Mức 0: Thủ công	Ghi chép bằng tay hoặc Excel đơn lẻ;	Một số DN siêu nhỏ
Mức 1: sử dụng phần mềm kế toán đơn giản	Phần mềm kế toán cơ bản, không tích hợp;	Rất nhiều doanh nghiệp
Mức 2: tích hợp cục bộ	Kế toán kết nối với HĐĐT, thuế điện tử;	100 % DNNVV
Mức 3: quản lý tập trung	Tích hợp phần mềm kế toán với quản trị kho, bán hàng, nhân sự...;	Khoảng hơn 20% DN
Mức độ 4: số hóa toàn diện (ERP)	Sử dụng hệ thống ERP, dữ liệu tập trung, phân tích tự động;	Khoảng 12-15% DN

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Kết quả trên bảng cho thấy, một số DN siêu nhỏ hiện đang ở mức 1 (ghi chép bằng tay hoặc excel đơn lẻ); 100% DN thuộc mẫu nghiên cứu thực hiện CĐS ở mức độ 2 (tích hợp cục bộ), các DN này đã có sự kết mối giữa kế toán với HĐĐT, thuế điện tử, thực hiện việc lập HĐĐT, kê khai, nộp thuế điện tử, đảm bảo sự chính xác và nhanh chóng trong việc khai thuế, nộp thuế và báo cáo thuế; ở mức 3 (quản lý tập trung) có 20% DN thực hiện. Mức độ này đã có sự tích hợp phần mềm kế toán với quản trị kho, bán hàng và quản lý nhân sự…, tạo điều kiện cho các DN quản lý hiệu quả hơn, đảm bảo độ chính xác, kịp thời cung cấp dữ liệu cho việc ra quyết định của nhà quản trị cấp cao. Ở mức độ 4 (số hóa hoàn toàn), chỉ có khoảng 12%-15% DN thuộc mẫu nghiên cứu thực hiện. Đây là những DN có quy mô khá, đội ngũ lãnh đạo có quyết tâm cao, có kế hoạch cụ thể trong CĐS và có đội ngũ nhân viên kế toán có chuyên môn kế toán và trình độ công nghệ khá tốt;

*** Đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam**

Kết quả đạt được

Một là, nhiều DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam trong mấy năm qua đã ứng dụng phổ biến phần mềm kế toán (MISA, FAST, Bravo…; thay thế sổ kế toán thủ công bằng phần mềm quản lý; triển khai rộng rãi HĐĐT, khai thuế điện tử, nộp thuế, nộp BHXH và một số khoản khác thuận lợi… Do đó, việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng bên trong và bên ngoài DN có nhiều ưu điểm tích cực, giúp nâng cao tính minh bạch và tiết kiệm chi phí; đảm bảo độ chính xác cao, tin cậy và kịp thời cho việc ra quyết định của các đối tượng;

Hai là, CĐS trong hệ thống kế toán DNNVV nói chung và DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV nói riêng đã từng bước số hóa quy trình trong việc lập chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán và lập BCTC; lưu trữ chứng từ điện tử, kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, ngân hàng, KBNN, góp phần thực hiện công tác thanh toán nhanh, chính xác, kịp thời, giảm chi phí…

Ba là, CĐS trong hệ thống kế toán DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV, đảm bảo nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý. Với việc sử dụng các công nghệ hiện đại trong thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho các đối tượng có liên quan, CĐS góp phần đảm bảo độ chính xác của số liệu kế toán, kịp thời cung cấp dữ liệu cho việc ra quyết định của nhà quản trị trong doanh nghiệp, từ đó nâng cao được hiệu quả của công tác quản lý.

Bốn là, CĐS trong hệ thống kế toán DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV, đảm bảo cho việc kết nối dễ dàng với hệ thống ngân hàng, cơ quan thuế, BHXH, KBNN, khách hàng và các đối tác, tạo nền tảng trong thanh toán thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, mở rộng quy mô;

Hạn chế

Một là, sự hiểu biết về CĐS của nhiều DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV còn nhiều hạn chế, bất cập, thể hiện ở chỗ chưa thực sự hiểu rõ về vai trò quan trọng của CĐS trong kế toán, dẫn đến việc không có kế hoạch, chiến lược

áp dụng trong kế toán; lãng phí nguồn lực hoặc áp dụng không hiệu quả; không xây dựng được hướng đi và lộ trình hợp lý cho DN;

Hai là, hạ tầng công nghệ tại nhiều DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV còn lạc hậu; chưa có hệ thống mạng nội bộ đủ mạnh để hỗ trợ một cách đồng bộ; chủ yếu mới chỉ dùng các phần mềm cơ bản, đơn giản thay vì ERP, CRM hay các nền tảng quản trị tích hợp; thiếu kho dữ liệu tập trung và các công cụ phân tích dữ liệu hiện đại… do thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư; khó khăn trong việc triển khai các giải pháp số;

Ba là, thiếu nhân lực am hiểu công nghệ: nhiều lãnh đạo DN vẫn nghĩ rằng công nghệ chỉ là mua phần mềm kế toán, HĐĐT mà chưa hiểu rõ đó là một quá trình thay đổi quy trình, tư duy quản trị, lo ngại sự phức tạp của công nghệ mà chỉ có các DN quy mô lớn mới có khả năng thực hiện; trình độ công nghệ của kế toán viên còn nhiều hạn chế, thiếu kỹ năng số cơ bản;

Bốn là, chi phí đầu tư cao, là rào cản lớn…DNNVV nói chung và lĩnh vực TMDV nói riêng do khả năng tài chính hạn hẹp, nguồn vốn chủ sở hữu ít, khó tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ, nên khó có thể dành kinh phí cho hạ tầng CNTT; dòng tiền chủ yếu được sử dụng cho kinh doanh ngắn hạn, ít có dư địa đầu tư dài hạn vào công nghệ… dẫn đến hệ thống công nghệ của các DN này thường chắp vá, lạc hậu, thiếu tính bảo mật và khó mở rộng;

Năm là, mức độ khai thác dữ liệu thấp, chưa tận dụng được tính năng sự phân tích tài chính, dự báo; chưa có sự tích hợp dữ liệu khách hàng, bán hàng, kế toán, kho bãi còn phân tán bởi chủ yếu sử dụng các phần mềm đơn giản. thiếu nhân lực chuyên môn cao, không có đội ngũ phân tích dữ liệu; thiếu hệ thống lưu trữ tập trung…

Sáu là, rủi ro bảo mật và phụ thuộc nhà cung cấp công nghệ: DN nhỏ dễ bị động trước sự cố công nghệ; hệ thống bảo mật yếu, hầu như không có tường lửa chuyên dụng, phần mềm diệt virus bản quyền hay quy trình sao lưu dữ liệu định kỳ; khả năng khắc phụ sự cố kém. Trong trường hợp nhà cung cấp gặp sự cố ví dụ măt dữ liệu, ngừng dịch vụ, phá sản… hoạt động kinh doanh của DN bị ảnh hưởng lớn; khó kết nối dữ liệu nếu có nhiều nhà cung cấp khác nhau, vì mỗi nhà cung cấp dùng một nền tảng khác nhau…

3. Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của các DNNVV thuộc lĩnh vực TMDV tại Việt Nam

Một là, Nhà nước cần rà soát để chỉnh sửa, xây dựng khung pháp lý, các chính sách mới phù hợp trong bối cảnh kinh tê- chính trị trong và ngoài nước hiên nay, xây dựng tiêu chuẩn kế toán số thông qua việc phát triển các bộ tiêu chuẩn dữ liệu kế toán số thống nhất, đồng bộ giữa DN-Cơ quan Thuế-Ngân hàng- Cơ quan Quản lý;

Hai là, hỗ trợ về tài chính và chi phí cho các DNNVV thông qua chương trình tín dụng ưu đãi hoặc quỹ hỗ trợ CĐS cho DNNVV trong lĩnh vực kế toán, tài chính; miễn, giảm thuế cho các DN đầu tư phần mềm kế toán, hạ tầng CNTT phục vụ số hóa dữ liệu; hỗ trợ chi phí cho sử dụng các dịch vụ phần mềm kế toán điện tử trong giai đoạn đầu của quá trình CĐS tại DN;

Ba là, hỗ trợ đào tạo và nâng cao năng lực cho các DNNVV; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, các cuộc hội thảo, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho đội ngũ kế toán về kỹ năng sử dụng phần mềm số, kỹ năng phân tích dữ liệu;

Bốn là, Nhà nước tăng cường giám sát, đánh giá và thúc đẩy quá trình thực hiện CĐS; xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ CĐS trong kế toán của DNNVV để theo dõi tiến độ và đôn đốc các DN thực hiện; có chế độ khen thưởng kịp thời đối với những DN đi đầu trong việc áp dụng kế toán số;

Năm là, DN cần nâng cao nhận thức và tư duy về CĐS; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho nhân viên kế toán; kết hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, hội nghề nghiệp để thiết lập những khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho nhân viên, khuyến khích văn hóa học hỏi công nghệ mới;

Sáu là, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để nhận được sự tư vấn, triển khai các giải pháp cụ thể về CĐS nhằm đẩy nhanh mức độ và nâng cao hiệu quả CĐS trong toàn DNVVN nói chúng và trong hệ thống kế toán của DN nói riêng.

Bảy là, các cơ sở giáo dục đào tạo cần xây dựng chiến lược đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp về CĐS; thiết kế nội dung, chương trình đào tạo phù hợp; cập nhật chiến lược đào tạo theo xu hướng công nghệ mới, hiện đại (AI, Big Data, IoT, Blockchain, điện toán đám mây…); tăng cường kết nối nhà trường với doanh nghiệp; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo. Tích hợp kiến thức và kỹ năng CĐS vào các ngành đào tạo như Kế toán số, marketing số, quản trị dữ liệu…; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng công nghệ

Kết luận

CĐS là quá trình tất yếu đối với tất cả các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh cạch mạng 4.0 ngày càng phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Tùy vào điều kiện thực tế ở mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực hoạt động của DN để thực hiện các giải pháp phù hợp. Các giải pháp đề xuất phải được thực hiện đồng bộ từ Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý, trường đại học, viện nghiên cứu… nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

** Bài viết là kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở Học viện Tài chính năm 2026.*

Tài liệu tham khảo:

ACCA-IMA (2013), Digital Darwinism: Thriving in the Face of Technology Change November 2013,www.accaglobal.com.bigdata.

Chen, C-L., Lin, Y-C., Chen, W-H., Chao, C-F., & Pandia, H (2021), Role of government to enhance digital trans formation in Small service business. Sustainability,13 (3),1028

Shan, Y.G & Troshani, I. (2021), Digital coporate reporting and value relevance: Evidence from the US and Japan. Internationl Journal of Managerial Finance, 17 (2),256-281.

Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về thức đẩy chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2020. Định hướng đến 2030

Dangcongsan.org.vn/bocongthuong/tin-tuc-hoạt-dong/tac-dong-cua-chuyen-doi-so-den-linh-vuc-ke-toan-xanh.html.

Đỗ Thị Hồng Hạnh và Phạm Trọng Nghĩa (2023), *Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam" đăng trên tạp chí Tài chính online ngày 22/10/2023.*